

*Biên Hòa, ngày 17 tháng 8 năm 2020*

Số: 1129/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1780/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1984

- *Bị đơn*: Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố Tân Lập, phường P, thành phố B, tỉnh Đ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1984 và ông Trần Ngọc A, sinh năm 1978.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1984 và ông Trần Ngọc A, sinh năm 1978 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Trương Thị Thanh T và ông Trần Ngọc A, giao 02 con chung là cháu Trần Trương Mỹ D, sinh ngày 27/9/2004 và cháu Trần Trương Mỹ T1, sinh ngày 05/8/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Minh N, sinh ngày 11/02/2013 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông A, bà T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản ông A, bà T thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà T tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu số 0009906 ngày 23/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí bà T phải nộp. Bà T được nhận lại số tiền 150.000đ án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hải Thị Liễu**